

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày 16-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Hà;

Nghề nghiệp: Bác sỹ.

Bà Đàm Thiều Phương.

Nghề nghiệp: Cán bộ, nơi công tác: Chủ tịch Hội phụ nữ xã Chi Lăng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2021/HSST ngày 08 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

La Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 9 năm 2001, tại huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn M và bà Nông Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/10/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện T quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn là 03 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn từ 14/12/2020 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo La Văn T: Ông Vũ Văn Đ - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn để bào chữa cho bị cáo, có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Triệu Ngọc H, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2004.
Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
Người giám hộ cho Triệu Ngọc H có bà : Triệu Thị M (là mẹ đẻ).
Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
2. Bà Lương Thị N, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
1. Chị Nông Thị N, sinh năm 1997.
Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
2. Anh La Văn N, sinh năm 2001.
Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
3. Anh La Văn Q, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
4. Ông La Văn M, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
5. Chị Triệu Thị H, sinh năm 2000.
Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
5. Anh La Văn T, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/11/2020 Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận tin báo của Triệu Ngọc H, sinh năm 2004 trú tại thôn P, xã V, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn về việc: khoảng 12h ngày 20/11/2020 khi đang ngủ ở phòng trọ tại khu 1 Thị trấn T, huyện T thì có La Văn T, đến phòng ở trọ của H tìm bạn tên là Nông Minh T (là người ở cùng phòng), nhưng không gặp; sau khi ngủ dậy H phát hiện chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme - C12 màu xanh dương để trên phản gỗ, cạnh giường ngủ đã bị mất trộm.

Xét thấy có dấu hiệu tội phạm trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tràng Định quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, lệnh bắt tạm giam đối với La Văn T về tội Trộm cắp tài sản để điều tra.

Tại cơ quan Điều tra La Văn T khai nhận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 20/11/2020, điều khiển xe mô tô BKS 12K3-9297 đến khu phòng trọ của ông Nguyễn Tiến P, tại Khu M thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, đi vào phòng ở

trợ của Triệu Ngọc H tìm gặp Nông Minh T là bạn của La Văn T; khi vào H đang ngủ say trên giường, quan sát thấy chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme-C12 màu xanh để trên tấm phản gỗ cạnh chỗ ngủ của H, thấy không có ai đã lấy trộm chiếc điện thoại giấu vào túi quần bên phải đang mặc đi đến cửa hàng điện thoại di động “Q” tại Khu B Thị trấn T, huyện Trảng Định, khi đến T tháo thẻ sim trong điện thoại vứt đi, sau đó đem chiếc điện thoại vào trong cửa hàng gặp Nông Thị N là nhân viên bán hàng, nói dối là điện thoại của T do cần tiền muốn bán, N đã đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng, sau khi bán được điện thoại T điều khiển xe mô tô về nhà, đem số tiền 1.000.000 đồng mua ma túy với một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ để sử dụng.

Ngoài ra T còn khai nhận khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/12/2020 quan sát thấy nhà bà Lương Thị N, sinh năm 1959 là người cùng thôn, thấy không có ai ở nhà, đã lén lút trèo qua tường rào đi vào trong nhà bếp, đến giường ngủ lục tìm lấy trộm được 2.500.000 đồng trong chiếc túi bằng vải thổ cẩm của bà N để dưới đệm giường ngủ (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 06 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và một số tờ mệnh giá 50.000 đồng; 20.000 đồng và 10.000 đồng), về T đem vứt chiếc túi vải thổ cẩm (túi đựng tiền) ở khu đồi N, cách nhà bà N khoảng 500m; số tiền 2.500.000 đồng mua ma túy hết 1.000.000 đồng, mua số lô tô hết 460.000 đồng và trả nợ 300.000 đồng cho La Văn N, sinh năm 2001 người cùng thôn; số tiền còn lại đi hát Karaoke, ăn uống hết cùng với La Văn N và La Văn Q người cùng thôn.

Bản Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 13/12/2020; số 01/KL-HĐĐGTS ngày 30/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Trảng Định kết luận: Chiếc điện thoại di động Realme-C12 trị giá 3.490.000 đồng; 01 thẻ sim điện thoại Viettel trị giá 50.000 đồng; 01 túi vải có kích thước 18cm x 12cm trị giá 15.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.555.000 đồng.

Đối với đồ vật, tài sản tạm giữ trong vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu SINOSTAR màu đỏ, biển kiểm soát 12K3-9279; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 013169 mang tên La Văn T; 01 túi vải thổ cẩm màu hồng, kích thước 18cm x 12cm và số tiền 300.000 đồng, chuyển đến Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Trảng Định để giải quyết theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKSTĐ ngày 05/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện, Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo La Văn T phạm tội trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận hành vi của bị cáo gây ra là sai, vi phạm pháp luật; bị hại bà Lương Thị N, yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.500.000 đồng và 01 túi vải trị giá 15.000 đồng; anh Triệu Ngọc H và bà Triệu Thị M là người giám hộ cho anh H yêu cầu bị cáo La Văn T trả chiếc điện thoại mà bị cáo trộm cắp có giá trị là 3.490.000 đồng và chiếc thẻ sim Viettel trị giá 50.000 đồng cho anh. Ngoài ra các bị hại bà N, anh H không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo La Văn T nhất trí với mức bồi thường mà các bị hại Lương Thị N, Triệu Ngọc H đưa ra ở trên.

Tại lời khai của chị Nông Thị N trình bày chị mua chiếc điện thoại với bị cáo La Văn T chị N không biết là tài sản do La Văn T trộm cắp mà có và chiếc điện thoại chị N đã bán cho khách hàng không biết tên, tuổi và địa chỉ, do vậy không thể xác minh thu giữ chiếc điện thoại.

Anh La Văn T trình bày chiếc xe mô tô nhãn hiệu SINOSTAR màu đỏ, biển kiểm soát 12K3-9279, đăng ký xe mô tô mang tên La Văn T anh đã bán cho La Văn T với giá 800.000 đồng, việc mua bán không làm giấy tờ chỉ thỏa thuận nói bằng miệng, nay chiếc xe La Văn T bán cho ai thì anh không rõ, nay chiếc xe không liên quan gì đến anh.

Chị Triệu Thị H, thừa nhận chiếc điện thoại mà Triệu Ngọc H bị mất là tiền của mẹ đưa cho chị H đi mua điện thoại cho anh Triệu Ngọc H, chiếc điện thoại là toàn quyền sở hữu của Triệu Ngọc H, không liên quan gì đến chị H.

Anh La Văn M trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12K3-9279, đăng ký xe mô tô mang tên La Văn T con trai anh là La Văn T đã bán cho anh C ở xã Đ, sau đó vợ chồng anh đã lấy tiền đi chuộc về, chiếc xe mô tô hiện nay không liên quan đến La Văn T, chiếc xe hiện nay đang tạm giữ tại công an huyện Trảng Định. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả chiếc xe và giấy đăng ký xe nêu trên cho gia đình tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định trong phần tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo La Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo La Văn T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có tài sản nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586; 589 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 03 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Buộc bị cáo phải trả cho bà Lương Thị N 2.500.000 đồng; trả cho anh Triệu Ngọc H, giá trị chiếc điện thoại là 3.490.000 đồng và trị giá chiếc sim thẻ Viettel là 50.000 đồng. Tổng cộng là 3.540.000 đồng.

Xử lý Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 300.000 đồng là tiền do bị cáo trộm cắp mà có; trả cho anh La Văn M 01 xe mô tô nhãn hiệu SINOSTAR màu đỏ, biển kiểm soát 12K3-9279; 01 đăng ký xe mô tô mang tên La Văn T; trả cho bà Lương Thị N, 01 túi vải thổ cẩm màu hồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo La Văn T, tiến hành đối đáp, tranh luận, đưa ra các luận cứ trình bày: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị về

hình phạt, bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, Tuy nhiên đề nghị áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Trong phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát, luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm về đề mức nghị hình phạt đối với bị cáo; bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư; bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện Trảng Định trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người giám hộ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt chị Nông Thị N, anh La Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong hồ sơ đã có lời khai đầy đủ. Xét thấy vắng mặt chị Nông Thị N, anh La Văn Q, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời hoàn toàn phù hợp với biên bản thu giữ đồ vật, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. La Văn T đã có hành vi lén lút vào phòng trọ của Triệu Ngọc H tại Khu 1 thị trấn T, huyện Trảng Định lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme-C12 kèm theo 01 sim Viettel của Hoàng để trên tấm phản gỗ, cạnh giường ngủ. Qua định giá xác định tổng giá trị tài sản bị trộm cắp có giá trị 3.540.000 đồng và ngày 10/12/2020 La Văn T tiếp tục thực hiện hành vi lén lút vào nhà, lấy trộm số tiền 2.500.000 đồng và 01 chiếc túi bằng vải thổ cẩm có giá trị 15.000 đồng của bà Lương Thị N. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo La Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội, trong một thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự an ninh của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội, đồng thời bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của

người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, mắc vào tệ nạn xã hội, mục đích trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền phục vụ lợi ích mua ma túy sử dụng và tiêu sài của bản thân nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên ngày 23/10/2020 bị cáo La Văn T đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Trảng Định quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn là 03 tháng, trong thời gian áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo phạm tội; bị cáo còn trẻ nhưng lười lao động và đã sớm lao vào con đường nghiện ma túy; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ đánh giá trên khi lượng hình cần xem xét nhân thân của bị cáo để ra mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Cần xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh ngày 05/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn bản thân bị cáo không có tài sản, thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

[8] Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 300.000 đồng là (tiền do bị cáo trộm cắp mà có); trả anh La Văn M 01 xe mô tô nhãn hiệu SINOSTAR màu đỏ, Biển kiểm soát 12K3-9279; 01 đăng ký xe mô tô mang tên La Văn T; trả cho bà Lương Thị N, 01 túi vải thổ cẩm màu hồng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho bà Lương Thị N 2.500.000 đồng; trả cho anh Triệu Ngọc H, giá trị chiếc điện thoại là 3.490.000 đồng và trị giá chiếc sim thẻ Viettel là 50.000 đồng.

[10] Đối với chị Nông Thị N mua chiếc điện thoại với bị cáo La Văn T không biết tài sản do trộm cắp mà có; anh La Văn N, anh La Văn Q được bị cáo Trần rủ đi hát Karaoke, anh N, anh Q không biết bị cáo Trần dùng tiền trộm cắp được đi hát Karaoke. Xét thấy không có dấu hiệu vi phạm, tội phạm do đó không xem xét xử lý.

[11] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SINOSTAR màu đỏ, Biển kiểm soát 12K3-9279 anh La Văn T đã bán cho La Văn T nay không liên quan gì đến anh. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, đề nghị về mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ là phù hợp với hành vi của bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, nên được chấp nhận.

[13] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo La Văn T, nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị về hình phạt, bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, Tuy nhiên Luật sư đề nghị áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì bị cáo trong thời gian ngắn bị cáo trộm cắp tài sản hai lần liên tục và đã áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[14] Về án phí: Bị cáo La Văn T bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ chưa thi hành theo quy định.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 50 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo La Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo La Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày 14/12/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 300.000 (ba trăm nghìn) đồng (*số tiền trên được giao nhận theo giấy ủy nhiệm chi số 01, giữa đơn vị trả tiền Công An huyện Tràng Định, đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tràng Định, tài khoản số: 3949.0.1054413.00000, tại Kho bạc Nhà nước huyện Tràng Định, ngày 18/02/2021*).

2.2. Trả cho anh La Văn M 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SINOSTAR màu sơn đỏ, biển kiểm soát 12K3-9279; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy, số: 013169 mang tên La Văn T

2.3. Trả cho bà Lương Thị N 01 (một) túi vải thổ cẩm màu hồng xanh, kích thước 18 cm x 12 cm (đã cũ, qua sử dụng).

(Chi tiết toàn bộ số vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan điều tra Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn ngày 09/02/2021).

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo La Văn T, phải trả cho bà Lương Thị N 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

3.2. Trả cho anh Triệu Ngọc H, giá trị chiếc điện thoại là 3.490.000 (ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng và trị giá chiếc sim thẻ Viettel là 50.000 (năm mươi nghìn) đồng. Tổng cộng là 3.540.000 (ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

4. Kể từ khi án có hiệu lực bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo La Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự. Tổng cộng bị cáo phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo La Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người giám hộ có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị N, anh La Văn Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định;
- Công an huyện Trảng Định;
- Chi cục THADS huyện Trảng Định;
- Bị cáo (qua nhà tạm giữ);
- Người giám hộ;
- Bị hại, NCQL, NVLQ (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Bàn Văn Tiễn